

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 06.8.2018  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

2. Ông Lê Minh Chiến - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

**- Thư ký phiên Tòa:** Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST.HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Minh T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: Đội 8, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

**\* Bị đơn:** Anh Bùi Tấn K, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 2, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Phan Thị Minh T trình bày:** Chị và anh Bùi Tấn K có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm và tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K thường xuyên chơi cờ bạc gây nợ nần, nhiều lần anh hứa sẽ từ bỏ nhưng ngày càng đam mê. Từ đó giữa vợ chồng luôn kinh cãi, mâu thuẫn nhau khiến không khí gia đình căng thẳng. Đầu năm 2017 vợ chồng cãi nhau căng thẳng nên chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Từ khi chị về nhà cha mẹ ruột sống, anh K cũng có đến thăm con nhưng vợ chồng không nói

chuyện với nhau, chị và anh K cũng không có lần nào đề cập đến chuyện quay lại chung sống để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Tấn K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Bùi Ái T, sinh ngày 19.10.2014 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

\* Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Bùi Tấn K nhưng anh K không đến tòa để trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Bùi Ái T cho chị T nuôi dưỡng chăm sóc, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Minh T khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Tấn K có địa chỉ cư trú tại Tổ 2, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định theo quy định Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Nguyên đơn chị Phan Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Tấn K được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh K.

[3] Về nội dung:

[3.1] Hôn nhân giữa chị Phan Thị Minh T và anh Bùi Tấn K được xác lập vào năm 2013, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường B theo đúng quy định của luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo lời khai của chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh K thường xuyên chơi

cờ bạc gây nợ nần, nhiều lần anh hứa từ bỏ nhưng vẫn không thay đổi. Vợ chồng mâu thuẫn kéo dài đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn căng thẳng, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do không thể thu thập được lời khai của anh K nhưng qua xác minh mẹ ruột của anh K là bà Võ Thị L cung cấp cho thấy giữa anh K và chị T có mâu thuẫn kéo dài và cả hai đã tự chấm dứt cuộc sống chung, sống ly thân giữa năm 2017. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Phan Thị Minh T được ly hôn với anh Bùi Tấn K là phù hợp với thực thể mâu thuẫn.

**[3.2]** Về con chung: Theo lời khai của chị T giữa chị và anh K có 01 người con tên Bùi Ái T, sinh ngày 19.10.2014 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Mặc dù không có lời khai của anh K nhưng cũng được bà L xác nhận vợ chồng có một người con chung tên Bùi Ái T, sinh ngày 19.10.2014 như chị T đã trình bày. Hiện cháu T vẫn còn nhỏ và rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên chấp nhận giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

**[3.3]** Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**[4]** Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Minh T phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[5]** Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì những lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1/ Cho chị Phan Thị Minh T được ly hôn với anh Bùi Tấn K.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao cháu Bùi Ái T, sinh ngày 19.10.2014 cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Minh T phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008628 ngày 16.4.2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND phường B
- Các đường sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Lệ**